

Supported by:



Federal Ministry for the
Environment, Nature Conservation,
Building and Nuclear Safety



**HỘI THẢO PHỤC HỒI HỆ SINH THÁI RỪNG TỰ NHIÊN –
CHIA SẺ KINH NGHIỆM TRONG KHU VỰC VỀ KỸ THUẬT VÀ CÁC MÔ HÌNH THỰC TIỄN**

Phục hồi rừng ở Việt Nam: Kinh nghiệm, cơ hội và thách thức

Trần Lâm Đồng

Viện Nghiên cứu Lâm sinh
Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017



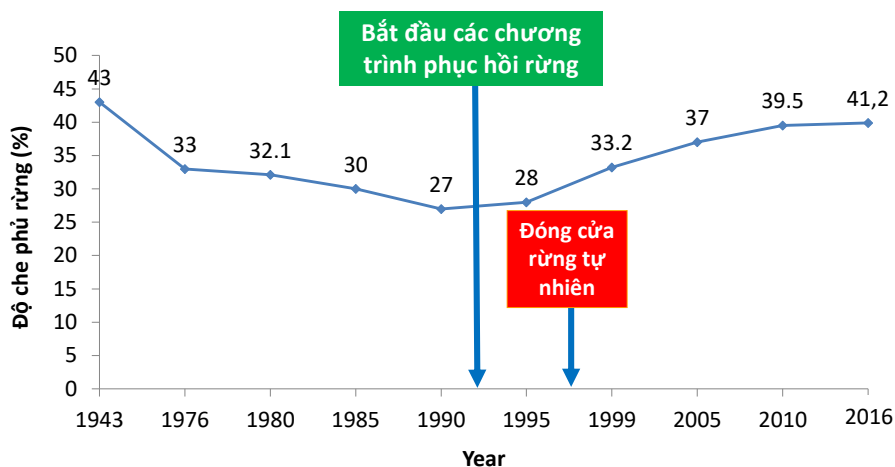
Nội dung

- Lâm nghiệp Việt Nam và kết quả các chương trình phục hồi rừng
- Kinh nghiệm
- Cơ hội và thách thức
- Ưu tiên nghiên cứu và phát triển





Diện tích rừng của Việt Nam



1943: 14,3 triệu ha

1990: 9,1 triệu ha

2016: 14,4 triệu ha



Diện tích rừng năm 2016

Phân theo 3 loại rừng	Tổng diện tích	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Ngoài quy hoạch
Tổng diện tích tự nhiên (triệu ha)	33,2				
Diện tích có rừng (triệu ha)	14,4	2,1	4,5	6,7	1,0
Rừng tự nhiên (triệu ha)	10,2	2,0	3,9	3,9	0,4
Rừng trồng (triệu ha)	4,1	0,1	0,7	2,8	0,6

Theo chủ quản lý	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	Hộ gia đình, cá nhân	Cộng đồng	Các tổ chức khác
Rừng tự nhiên (%)	43,4	11,2	1,2	13,0	10,4	20,8
Rừng trồng (%)	14,0	11,2	3,9	38,7	1,4	30,7

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2017



Diện tích rừng năm 2016

Phân loại rừng	Tổng cộng	Thuộc quy hoạch 3 loại rừng			Ngoài quy hoạch 3 loại rừng
		Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
Tổng diện tích có rừng	14,4	2,1	4,5	6,7	1,0
-Rừng trên núi đất	13,2	1,8	3,9	6,5	0,9
-Rừng trên núi đá	0,9	0,3	0,6	0,2	0,1
Rừng tự nhiên	10,2	2,1	3,9	3,9	0,4
-Rừng gỗ	8,8	1,9	3,4	3,2	0,3
-Rừng tre nứa	0,2		0,1	0,1	
-Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1,2	0,2	0,4	0,5	0,1
Rừng gỗ tự nhiên	8,8	1,9	3,4	3,2	0,3
-Rừng giàu	0,8	0,4	0,2	0,2	
-Rừng trung bình	2,2	0,6	0,8	0,7	
-Rừng nghèo	3,0	0,6	1,2	1,1	0,1
-Rừng nghèo kiệt	0,6	0,1	0,2	0,3	
-Rừng phục hồi	2,3	0,2	1,0	1,0	0,2

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2017



Các chương trình phục hồi rừng

Chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc (327):

- Thời gian: 1992–1997
- Mục tiêu: phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ diện tích rừng hiện có, xúc tiến tái sinh và phục hồi rừng
- Kết quả chính:
 - Khoanh nuôi có trồng bổ sung 0,3 triệu ha
 - Trồng mới 0,4 triệu ha, chủ yếu Keo, Bạch đàn và Thông; cây bản địa ít thành công
 - Khoán bảo vệ rừng 1,6 triệu ha cho 466,000 hộ gia đình và cá nhân

(MARD, 1998)



Các chương trình phục hồi rừng

Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng (661):

- Thời gian: 1998–2010
 - Mục tiêu: phục hồi 2 triệu ha rừng phòng hộ và đặc dụng, và hỗ trợ trồng mới 3 triệu ha rừng sản xuất
 - Kết quả chính:
 - Trồng mới được 2,45 triệu ha:
 - 1,55 triệu ha rừng sản xuất chủ yếu các loài Keo, Bạch đàn và Thông
 - 0,9 triệu ha rừng phòng hộ và đặc dụng bằng các loài cây bản địa, nhưng tỷ lệ thành công thấp
 - 1,28 triệu ha xúc tiến tái sinh tự nhiên và làm giàu rừng
 - 0,94 triệu ha cây công nghiệp và cây ăn quả
- (MARD, 2011)



Kinh nghiệm

- **Chính sách:**
 - **Khuôn khổ pháp lý:** hộ gia đình và cộng đồng được xác định là các chủ thể hợp pháp để giao đất giao rừng
 - **Quy hoạch và theo dõi:** quy hoạch 3 loại rừng toàn quốc và cấp tỉnh; theo dõi diễn biến hàng năm
 - **Các chính sách:** làm rõ quyền lợi, trách nhiệm và lợi ích của các bên liên quan





Kinh nghiệm

• Chính sách:

- **Các hỗ trợ:** công khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất, chi trả dịch vụ môi trường rừng...
- **Nghiên cứu và phát triển (R&D):** giống, kỹ thuật lâm sinh, chuyển giao, khuyến lâm, nâng cao năng lực...



Kinh nghiệm

• Kỹ thuật:

- Xác định mục tiêu phục hồi rừng
- Phân loại rừng, lập địa
- Xác định các phương thức phục hồi rừng thích hợp: khoanh nuôi phục hồi, xúc tiến tái sinh, làm giàu rừng, trồng rừng...
- Chọn loài cây trồng thích hợp
- Áp dụng biện pháp lâm sinh thích hợp





Kinh nghiệm

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên:
 - Xác định cây mục đích
 - Chăm sóc cây tái sinh bằng biện pháp lâm sinh thích hợp
 - Trồng bổ sung trong lỗ trống nếu có



Kinh nghiệm

- Làm giàu rừng: áp dụng cho rừng nghèo kiệt, rừng non có số cây tái sinh mục đích thấp
 - Điều tra xác định cây mục đích
 - Xác định phương thức làm giàu rừng (theo rạch, lỗ trống)
 - Xác định loài cây trồng thích hợp
 - Xác định biện pháp lâm sinh tác động thích hợp





Kinh nghiệm

- Trồng rừng trên đất trống
 - Phân loại lập địa
 - Chọn loài cây trồng thích hợp
 - Sử dụng cây phù trợ



Cơ hội

- **Tiềm năng phục hồi rừng tự nhiên cao:**
 - Các điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phục hồi rừng
 - Tiềm năng tái sinh tự nhiên cao
- **Chính sách:**
 - Đã xây dựng được các chính sách tốt cho phục hồi rừng
 - Bảo vệ, tạm dừng khai thác và cấm chuyển đổi rừng tự nhiên
 - Thúc đẩy PFES, REDD+, QLRBV và chứng chỉ rừng, QLRCĐ, FLEGT
- **Hỗ trợ của cộng đồng quốc tế trong bảo vệ và phục hồi rừng**





Thách thức

- **Thiếu các khuyến khích:**
 - Thu nhập từ rừng phục hồi thấp
 - Kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phục hồi rừng thấp
 - Phí chi trả dịch vụ môi trường thấp
- **Rừng nghèo kiệt**
 - Trữ lượng thấp
 - Đa dạng sinh học thấp
 - Suy giảm loài có giá trị
- **Chi phí phục hồi rừng cao**
- **Năng lực quản lý rừng của chủ rừng thấp**
 - Kiến thức
 - Tài chính



Thách thức

Các bên liên quan	Thách thức
Chủ rừng (hộ gia đình, doanh nghiệp)	<ul style="list-style-type: none"> • Năng lực quản lý rừng thấp • Khó tiếp cận nguồn giống và kỹ thuật tốt • Khó tiếp cận nguồn vốn, hỗ trợ kỹ thuật • Năng suất và chất lượng rừng thấp • Chu kỳ khai thác dài • Khả năng tiếp thu kỹ thuật mới của chủ rừng nhỏ hạn chế • Các rủi ro về biến đổi khí hậu, dịch bệnh
Vận chuyển lâm sản	<ul style="list-style-type: none"> • Hạ tầng cơ sở kém (đường) • Chi phí vận chuyển cao
Tiêu thụ, chế biến (thương lái, cơ sở chế biến)	<ul style="list-style-type: none"> • Quy mô nhỏ, năng lực tài chính, kỹ thuật và quản lý thấp • Thiếu liên kết giữa chủ rừng với người tiêu thụ sản phẩm • Chất lượng lâm sản thấp • Yêu cầu của thị trường về nguồn gốc, xuất xứ
Thị trường quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu chất lượng cao • Yêu cầu nguồn gốc, xuất xứ, chứng chỉ quản lý bền vững



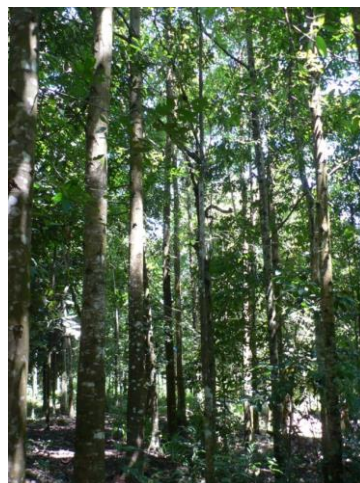
Thách thức

- **Chuyển đổi trái phép rừng tự nhiên sang rừng trồng**
 - Cây mọc nhanh Keo và Bạch đàn (sinh trưởng nhanh, thị trường tốt, dễ gây trồng và quản lý)
 - Cây công nghiệp cao su, cà phê...



Ưu tiên R&D

- **Chính sách:** Các hỗ trợ, khuyến khích để thúc đẩy bảo vệ và phục hồi rừng (chi trả DVMTR, giao đất lâm nghiệp, chia sẻ lợi ích, thị trường...)
- **Kỹ thuật:** nghiên cứu bổ sung các giải pháp lâm sinh cho phục hồi rừng theo các mục tiêu khác nhau
- **Nâng cao năng lực:** đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho các bên liên quan trong quản lý và phục hồi rừng





Cảm ơn quý vị đã lắng nghe!

dong.tran@vafs.gov.vn

<http://sri.org.vn>



Forest area in 2015

Species	Area (ha)	Products
<i>Acacia</i> spp.,	1,500,000	Chip, pulp, veneer, small saw-log
Rubber	900,000	Latex, small saw-log
<i>Pinus</i> spp.,	250,000	Resin, small saw-log, protection forest
<i>Eucalyptus</i> spp.,	210,000	Chip, pulp, veneer, small saw-log
Bamboo	80,000	Pulp, handicraft, construction
Other native trees	950,000	NTFPs, solid-log, protection forest
TOTAL:	3,890,000	(MARD, 2016)





Forestrydevelopment

